

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/ HNGĐ – ST

Ngày: 08/11/2018

V/v “ *Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Quốc Trí  
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Huỳnh Anh Thư - Cán bộ TAND huyện Thanh Bình.

***Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Phiêu – Kiểm sát viên

Vào ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 190/2018/ TLST – HNGĐ ngày 22/8/2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX- ST ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị M, sinh năm: 1972 ( Có mặt)
  2. *Bị đơn:* Nguyễn Hùng D, sinh năm: 1970 ( Vắng mặt có lý do)
- Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:* Chị với anh D tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Việc anh, chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng

quan điểm sống và ly thân vào tháng 4/2017, do tình cảm vợ chồng không còn thương nhau, chị M yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với anh D.

Về con chung: Chị M anh D chung sống với nhau có 03 người con tên là Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 16/5/2018 đã trưởng thành, còn lại cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 hiện đang chung sống với chị M, Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đồng và cháu Bảo, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại ông D và chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 bị đơn anh Nguyễn Hùng D trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị M, anh với chị M tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Việc ông bà chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và ly thân vào tháng 4/2018. Nay thống nhất được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với chị M, do tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau.

Về con chung: Anh D thống nhất chung sống chị M có được 03 người con tên là Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 16/5/2018 đã trưởng thành, còn lại cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 hiện đang chung sống với chị M, Nay anh D thống nhất giao cháu Đồng và cháu Bảo cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, không ai nợ lại ông D và chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:**

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; Về thời hạn xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Áp dụng Điều khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

-Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trần Thị M với anh Nguyễn Hùng D.

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, cháu Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng do chị M không yêu cầu.

Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Do chị M yêu cầu được chấp dứt mối quan hệ vợ chồng với anh D, anh D cũng thống nhất nhưng do hôn nhân của chị M, anh D không có đăng ký kết hôn. Ngày 24 tháng 10 năm 2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST – HNGĐ, vụ án được xét xử vào lúc 7 giờ 30 ngày 08 tháng 11 năm 2018, bị đơn anh D có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 171; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Giữa chị M với anh D chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn, anh, chị sống hạnh phúc và đến tháng 4/2018 ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị M với anh D làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M, anh D chung sống với nhau từ năm 1996, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M với anh Nguyễn Hùng D là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

- Về con chung: Chị M, anh D thống nhất chung sống với nhau có được 03 người con tên là Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 16/5/2018 đã trưởng thành, còn lại cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 hiện đang chung sống với chị M, Nay anh D, chị M thỏa thuận giao cháu Đồng và cháu Bảo cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, hơn nữa cháu Đồng cũng có nguyện vọng sống chung với chị M. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 cho chị M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành ( Đủ 18 tuổi ). Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh D có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị M trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Tự Thỏa thuận, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]- Đối với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án. Nên được Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết.

Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Anh D không chịu án phí hôn nhân và gia đình

Chị M, anh D có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 171, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 9, Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M với anh Nguyễn Hùng D.

2. Về con chung : Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị M, anh D giao cháu Nguyễn Thành Đồng, sinh ngày 03/9/2007, Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 07/6/2012 cho chị M nuôi dưỡng đến khi cháu Đồng, cháu Bảo tuổi trưởng thành ( Đủ 18 tuổi ). Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh D có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị M trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Tự Thỏa thuận, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### 4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số BG/2017 0001730 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị M không phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hùng D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ hôm nay tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 ,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh DT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đường sự
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng
- UBND xã T

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Trinh**